

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-ST

Ngày: 01-11-2018

“V/v tranh chấp về họ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Trung

2. Ông Nguyễn Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-TCDS ngày 10/8/2018 về “tranh chấp về họ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-DS, ngày 05/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn:*

Ông Lê Quốc N, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Bà Trần Thị Hồng M, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/8/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T trình bày: Do biết được ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng

M làm chủ hộ từ lâu nên chị và ông N, bà M đã thỏa thuận chơi hộ có tính lãi. Qua đó, chị T đã góp 05 ống hộ, bao gồm: ống thứ nhất, đóng mỗi ngày 50.000 đồng, thời gian từ ngày 11/11/2015 đến ngày 20/3/2016 (04 tháng 10 ngày), tổng cộng số tiền đóng là 6.500.000 đồng; ống thứ hai, đóng mỗi ngày 50.000 đồng từ ngày 21/10/2015 đến ngày 20/3/2016 (05 tháng), tổng cộng số tiền là 7.500.000 đồng; ống thứ ba, đóng mỗi ngày 100.000 đồng, từ ngày 21/11/2015 đến ngày 20/3/2016 (04 tháng), tổng cộng số tiền là 12.000.000 đồng; ống thứ tư, đóng mỗi ngày 50.000 đồng, từ ngày 11/02/2016 đến ngày 20/3/2016 (01 tháng 10 ngày), tổng cộng số tiền là 2.000.000 đồng và ống thứ năm đóng mỗi ngày 50.000 đồng, từ ngày 21/01/2016 đến ngày 20/3/2016 (02 tháng), tổng cộng số tiền là 3.000.000 đồng.

Tổng số tiền hộ 05 ống hộ mà ông N, bà M đã thu của chị là 31.000.000 đồng. Khi đến thu tiền hộ ông N, bà M có ký vào sổ cá nhân của chị. Tuy nhiên, đến ngày 21/3/2016, ông N, bà M tuyên bố vỡ hộ nên không trả lại số tiền đã thu của chị. Chị đồng ý cho ông N, bà M số tiền lãi là 2.680.000 đồng trong tổng số tiền 31.000.000 đồng, còn lại 28.320.000 đồng. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà M phải thanh toán cho chị một lần với tổng số tiền hộ còn nợ là 28.320.000 đồng, không yêu cầu phải tính lãi.

Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M thống nhất trình bày:

Giữa ông bà với chị Bùi Thị Thu T có thỏa thuận chơi hộ có tính lãi như ý kiến chị T đã trình bày. Chị T đóng 05 ống hộ và thu theo ngày. Tổng cộng số tiền hộ 05 ống của chị T là 31.000.000 đồng. Ông bà đồng ý việc chị T chỉ yêu cầu thanh toán số tiền 28.320.000 đồng, do ông bà đang gặp hoàn cảnh khó khăn, bị vỡ hộ nên không có khả năng thanh toán một lần mà có nguyện vọng xin chị T cho ông bà được trả dần.

Ông N và bà M thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ngày 20/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q kết quả thể hiện: Tại hồ sơ lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Q không thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M.

Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch không có kiến nghị đối với vụ án này.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 298, Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu T, buộc ông N, bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị T số tiền họ còn nợ là 28.320.000 đồng; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M phải thanh toán khoản tiền họ còn nợ của chị. Vì vậy, xác định đây là “tranh chấp về họ” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Giữa chị Bùi Thị Thu T và ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M đã thỏa thuận, giao dịch về tài sản với hình thức chơi họ có tính lãi. Qua đó, chị T đã góp họ và ông N, bà M đã thừa nhận thu tiền họ từ chị T gồm 05 ổng: ổng thứ nhất, đóng mỗi ngày 50.000 đồng, thời gian từ ngày 11/11/2015 đến ngày 20/3/2016 (04 tháng 10 ngày), tổng cộng số tiền đóng là 6.500.000 đồng; ổng thứ hai, đóng mỗi ngày 50.000 đồng từ ngày 21/10/2015 đến ngày 20/3/2016 (05 tháng), tổng cộng số tiền là 7.500.000 đồng; ổng thứ ba, đóng mỗi ngày 100.000 đồng, từ ngày 21/11/2015 đến ngày 20/3/2016 (04 tháng), tổng cộng số tiền là 12.000.000 đồng; ổng thứ tư, đóng mỗi ngày 50.000 đồng, từ ngày 11/02/2016 đến ngày 20/3/2016 (01 tháng 10 ngày), tổng cộng số tiền là 2.000.000 đồng và ổng thứ năm đóng mỗi ngày 50.000 đồng, từ ngày 21/01/2016 đến ngày 20/3/2016 (02 tháng), tổng cộng số tiền là 3.000.000 đồng. Tổng số tiền họ 05 ổng là 31.000.000 đồng. Chị T cho ông N, bà M số tiền lãi là 2.680.000 đồng, số tiền còn lại 28.320.000 đồng. Do ông N, bà M không thanh toán khoản tiền họ đã thu, nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà M phải trả khoản tiền họ trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, căn cứ vào các Điều 298, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 15, 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ

chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc ông N, bà M phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị T số tiền nợ họ là 28.320.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Lê Quốc N và bà Trần Thị Hồng M thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng theo biên bản xác minh ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch tại Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện ông N và bà M không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông N và bà M phải chịu nghĩa vụ liên đới đối với khoản nợ tiền họ 28.320.000 đồng của chị T theo quy định tại Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2005, theo đó, ông N và bà M mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ họ là 14.160.000 đồng.

[3] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M có đơn xin giảm án phí do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình đang rất khó khăn, gặp sự kiện bất khả kháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét giảm 50% số tiền án phí cho ông N, bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 298, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu T. Buộc ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Bùi Thị Thu T số tiền họ còn nợ là 28.320.000 đồng (hai mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), theo phần mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị Thu T số tiền là 14.160.000 đồng (mười bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự”.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Quốc N, bà Trần Thị Hồng M mỗi người phải chịu số tiền án phí là 354.000 để sung vào công quỹ nhà nước.

Chị Bùi Thị Thu T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 708.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0001038 ngày 08/8/2018.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 01/11/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương